

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2023/HC-ST

Ngày: 17/10/2023

V/v “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất”.

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Bích Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Hồng Luyện

2. Ông Lê Xuân Tý

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Đại - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang: Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 10 năm 2023, Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm trực tuyến và công khai vụ án hành chính thụ lý số: 04/2023/TLST-HC, ngày 15 tháng 02 năm 2023 về việc: “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2023/QĐXXST-HC ngày 18 tháng 9 năm 2023; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 10/2023/QĐST-HC ngày 30 tháng 8 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 23/2023/QĐST-HC ngày 29 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông **Trần Minh T.**

Địa chỉ: **Số A, đường T, phường C, quận N, thành phố Cần Thơ.**

Người đại diện theo ủy quyền:

- Ông **Lê Khả Đ** (theo Giấy ủy quyền ngày 08/02/2023).

Địa chỉ: **Số B Dãy B, đường T, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ**, (có mặt tại phòng xét xử).

- Ông **Phan Long H** (theo Giấy ủy quyền ngày 08/02/2023).

Địa chỉ: **Số A khu vực Y, phường L, quận C, thành phố Cần Thơ**, (có mặt tại phòng xét xử).

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Hoàng A** - Chức vụ: Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Tấn T1** - Chức vụ: Phó Chủ tịch.

Địa chỉ: Tỉnh lộ 925, ấp T, thị trấn N, huyện C, tỉnh Hậu Giang, (có mặt tại điểm cầu thành phần).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Công ty cổ phần L 45.1

Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Bá S - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Địa chỉ: Số A, đường ng Đ, phường ng Đ, Thành phố Hồ Chí Minh, (vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

3.2. Công ty cổ phần L

Địa chỉ: Số H, đường T, phường X, quận B, thành phố Hà Nội, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo đơn khởi kiện của ông Trần Minh T trình bày

Ông Trần Minh T sở hữu 12 hạng mục nhà, công trình được xây dựng sau ngày công bố thị trấn M (24/01/2011) và xây dựng trước khi có thông báo thu hồi đất, khi xây dựng không bị lập biên bản hoặc có văn bản ngăn chặn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Ngày 07/12/2021, UBND huyện C ban hành Quyết định số: 5221/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư: Khu quản lý vận hành và sửa chữa của Nhà máy N (đợt 4). Trong đó, phần liên quan đến ông Trần Minh T (hồ sơ số 066) bao gồm 12 hạng mục nhà, công trình này của ông T không được bồi thường, hỗ trợ.

Ông T cho rằng, căn cứ Điều 14 Quyết định số: 26/2018 của UBND tỉnh H, thì các hạng mục nhà, công trình của ông tuy không được bồi thường, nhưng theo quy định được xem xét hỗ trợ.

Vì vậy, ông T khởi kiện yêu cầu hủy một phần Quyết định số: 5221/QĐ-UBND ngày 07/12/2021 của UBND huyện C, tỉnh Hậu Giang về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư: Khu quản lý vận hành và sửa chữa của Nhà máy N (đợt 4), phần liên quan đến ông Trần Minh T (hồ sơ số 066), đối với 12 hạng mục không bồi thường, hỗ trợ nhà, công trình nêu trên.

Theo bản tự khai của người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông Lê Khả Đ trình bày:

Mười hai hạng mục nhà, công trình không được bồi thường, hỗ trợ bao gồm:

1. Nhà loại trệt, diện tích 170,40m².
2. Nhà loại trệt, diện tích 124,25m².
3. Mái che: diện tích 28,08m².
4. Hồ chứa nước trên mặt đất: 11,28m³ (hồ nước 1).
5. Giếng khoan bơm tay (cây nước): 01 cây.
6. Hồ chứa nước trên mặt đất: 51,81m³ (hồ nước 2).
7. Mái che: diện tích 76,86m² (cạnh hồ nước).
8. Hồ chứa nước trên mặt đất: 1,14m³ (hồ nước 3).

9. Nhà loại trệt, diện tích 7,20m² (nhà vệ sinh).

10. Hầm tự hoại: 01 cái.

11. Hàng rào: 15,66m².

12. Sân phơi: 216,78m².

Nguồn gốc của 12 hạng mục, công trình trên: Ngày 19/11/2018, Công ty cổ phần L ký hợp đồng thuê đất của ông T (hợp đồng hiện nay bị thất lạc), thời hạn thuê từ 01/12/2018 đến 31/5/2020 với số tiền 270.000.000đồng. Công ty L đã thanh toán cho ông T 210.000.000đồng, còn lại phải trả cho ông T là 60.000.000đồng. Đến ngày 25/9/2020, Công ty cổ phần L ký hợp đồng kinh tế với ông T, sang nhượng cho ông T khu nhà ở CBCNV bao gồm: Dãy nhà ở 6 gian (6m x 36m); Dãy nhà ăn 3 gian (6m x 18m); khu vực tắm, giặt, bể nước; 10 nhà vệ sinh, với giá chuyển nhượng là 60.000.000đồng.

Ông Đ trình bày thêm, căn cứ Công văn số: 1103/UBND-KT ngày 15/7/2016 của UBND tỉnh H về chủ trương xây dựng lán trại phục vụ chỗ ở cho công nhân thi công lắp đặt Nhà máy N1, trong đó Chủ tịch UBND tỉnh H có ý kiến:

Thứ nhất, thống nhất chủ trương cho Công ty cổ phần L được xây dựng Lán trại tạm phục vụ chỗ ở cho công nhân tại địa điểm ấp P, thị trấn M, huyện C thi công lắp đặt Nhà máy N1.

Thứ hai, yêu cầu Công ty cổ phần L chịu trách nhiệm tự thỏa thuận với các hộ dân để thực hiện giải phóng mặt bằng. Sau quá trình thi công công trình Nhà máy N1 hoàn thành Công ty cổ phần L hoàn trả lại mặt bằng như thỏa thuận với các hộ dân ban đầu.

Như vậy, căn cứ Công văn trên, phần nội dung “được phép xây dựng lán trại” là mang ý chí quyền lực nhà nước. Phần nội dung “mặt bằng xây dựng” và “hoàn trả mặt bằng cho dân như thỏa thuận ban đầu” là quan hệ dân sự, nên không được coi là bắt buộc. Do đó, việc ký kết hợp đồng kinh tế giữa Công ty L và ông T là không trái pháp luật, nên tài sản này thuộc quyền sở hữu của ông T.

Căn cứ khoản 1 Điều 14 Quyết định số: 26/2018/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh H quy định: “Nhà tạm (có kết cấu xây dựng tạm, có niên hạn sử dụng dưới 05 năm), công trình xây dựng trên đất chưa được nhà nước quy định mục đích sử dụng đất cụ thể, công trình phục vụ sinh hoạt, công trình xây dựng trên đất nông nghiệp, công trình phục vụ sản xuất nông nghiệp trên đất nông nghiệp, kể cả trên đất nông nghiệp tạm giao, cho thuê, đấu thầu được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận hình thành trước thời điểm thông báo thu hồi đất thì hỗ trợ bằng 100% đơn giá xây dựng do Ủy ban nhân dân tỉnh B”.

Căn cứ quy định trên: Các hạng mục nhà, công trình của ông Trần Minh T tuy không được bồi thường, nhưng được hỗ trợ theo quy định của UBND tỉnh H.

Theo văn bản nêu ý kiến số 812/UBND của người bị kiện UBND huyện C, tỉnh Hậu Giang trình bày:

Về yêu cầu hủy một phần Quyết định số: 5221/QĐ-UBND ngày 07/12/2021 của UBND huyện C liên quan đến ông Trần Minh T (số hồ sơ 066), đối với 12 hạng mục nhà, công trình không bồi thường, hỗ trợ, UBND huyện C có ý kiến như sau:

- Theo nội dung Giấy xác nhận pháp lý ngày 17/5/2021 của UBND thị trấn M xác nhận phần lán trại LiLama xây dựng trên các thửa đất của ông T và bà G (ông T, bà G thừa nhận phần tài sản lán trại là tài sản ông T, bà G khấu trừ tiền thuê đất của Công ty L), không thu thập được thông tin từ L. Tài sản này xây dựng trên đất ở và một phần đất nông nghiệp tại thời điểm xây dựng sau ngày 01/7/2006 trước thông báo thu hồi đất (sau ngày công bố thị trấn Mái Dầm 24/01/2011), theo tinh thần Công văn số: 1103/UBND-KT ngày 15/7/2016 của UBND tỉnh H, sau quá trình thi công, công trình Nhà máy N1 hoàn thành thì trả lại mặt bằng như khi thỏa thuận với các hộ dân) nên việc xây dựng không bị lập biên bản, không có văn bản ngăn chặn.

- Căn cứ Công văn số: 1103/UBND-KT ngày 15/7/2016 của UBND tỉnh H, về việc chủ trương xây dựng Lán trại tạm phục vụ chỗ ở cho công nhân thi công lắp đặt Nhà máy N1 (tại mục 2 thể hiện sau quá trình thi công, công trình Nhà máy N1 hoàn thành, Công ty cổ phần L hoàn trả lại mặt bằng như thỏa thuận với các hộ dân ban đầu.

- Theo Biên bản họp ngày 02/10/2021, thông qua phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do UBND huyện chủ trì thống nhất thông qua các dự án. Trong đó, có dự án Khu quản lý vận hành và sửa chữa của Nhà máy N (thống nhất thông qua Báo cáo số 06/BC-TTPTQĐ ngày 01/10/2021, trong đó, có nêu làm rõ trách nhiệm của Công ty L theo Công văn số: 1103/UBND ngày 15/7/2016 của UBND tỉnh H).

- Căn cứ theo Công văn số: 88/SXD-QLXD ngày 17/01/2022 của Sở Xây dựng, về việc có ý kiến đối với nội dung theo Báo cáo số: 05/BC-KTHT ngày 12/01/2022 của Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện C. Trong đó có nội dung, Sở Xây dựng không có cấp phép tạm đối với công trình lán trại này, do thuộc trường hợp miễn phép xây dựng, đồng thời, quy định tại khoản 4 Điều 131 Luật Xây dựng số 50/2014/QH13, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 49, Điều 1 Luật số 62/2020/QH14 thì công trình xây dựng tạm phải được phá dỡ khi đưa công trình chính của dự án đầu tư xây dựng vào khai thác sử dụng.

Do 12 hạng mục công trình này được UBND thị trấn M xác nhận thuộc công trình xây dựng của Lilama, được Sở xây dựng có ý kiến tại Công văn số 88/SXD-QLXD ngày 17/01/2022 của Sở Xây dựng và thuộc tài sản được quy định tại Công văn số: 1103/UBND-KT ngày 15/7/2016 của UBND tỉnh H sau quá trình thi công công trình Nhà máy N1 hoàn thành phải hoàn trả lại mặt bằng.

Từ những cơ sở trên, UBND huyện C giữ nguyên quan điểm tại Quyết định số: 5221/QĐ-UBND ngày 07/12/2021 của UBND huyện C, tỉnh Hậu Giang về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án: Khu quản lý vận hành và sửa chữa Nhà máy N (đợt 4), phần liên quan đến ông Trần Minh T (số hồ sơ 066), đối với 12 hạng mục nhà công trình không bồi thường, hỗ trợ.

** Tại phiên tòa:*

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện C hỗ trợ 12 hạng mục công trình do Công ty cổ phần L 45.1 xây dựng trên đất của ông T, đến thời điểm này chưa có văn bản nào của công ty L cam kết với Ủy ban sau khi thi công xong công trình Nhiệt điện Sông Hậu 1 phải tháo dỡ công trình. Chủ trương tại Công văn số: 1103 của Ủy ban nhân dân

tỉnh H áp dụng đối với Công ty cổ phần L chứ không áp dụng đối với Công ty cổ phần L và Công ty cổ phần L. Mặt khác, căn cứ chủ trương của Ủy ban nhân dân tỉnh cũng không phù hợp với quy định của pháp luật cụ thể căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 128 Luật Xây dựng, khoản 3 Điều 42 Nghị định số: 59/2015 thì công trình xây dựng lán trại tạm không phải các công trình được quy định tại khoản 2 Điều 42 Nghị định số 59 nên không phải tháo dỡ, lẽ ra Ủy ban nhân dân tỉnh phải căn cứ điểm a khoản 1 Điều 94 Luật Xây dựng năm 2014 ghi rõ chủ đầu tư phải tự tháo dỡ công trình và phải cấp giấy phép xây dựng có thời hạn thì khi thi công xong công trình Sông Hậu 1 phải bị phá dỡ, nếu cấp giấy phép mà Công ty L 3 chuyển giao tài sản này cho ông T là sai. Do vậy, căn cứ Điều 14 Quyết định số: 26/2018 của UBND tỉnh H thì tài sản này là hợp pháp của ông T nhận chuyển nhượng từ Công ty L, bên cạnh đó, thời điểm xây dựng không bị lập biên bản nên đủ điều kiện được hỗ trợ.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện UBND huyện C trình bày: Giữ nguyên ý kiến tại 02 văn bản gửi cho Tòa án, không chấp nhận hỗ trợ các công trình trên cho ông T. Căn cứ Công văn số: 1103 của Ủy ban nhân dân tỉnh H, Tờ trình số 147 và Công văn số 88 của Sở Xây dựng, Sở Xây dựng căn cứ điểm c khoản 2 Điều 89 Luật Xây dựng năm 2014 không cấp giấy phép xây dựng cho Công ty L xây dựng lán trại tạm phục vụ cho công nhân thi công công trình nhà máy N1 là phù hợp với hiện tại, Sông Hậu 1 đã hoàn thành đi vào hoạt động từ tháng 10/2022, tất cả các công trình xây dựng tạm đã hoàn thành việc tự tháo dỡ các công trình xây dựng trên đất nông nghiệp của Công ty cổ phần L, kể cả dự án của công ty M, không ai khiếu nại gì các công trình này.

Phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang cho rằng:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Luật tố tụng hành chính.

- Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính, bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Minh T về việc yêu cầu hủy một phần Quyết định số: 5221 ngày 07/12/2021 của UBND huyện C về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư: Khu quản lý vận hành và sửa chữa của Nhà máy N (đợt 4) phần liên quan đến ông Trần Minh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Ông Trần Minh T khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết: Hủy một phần Quyết định số: 5221/QĐ-UBND ngày 07/12/2021 của UBND huyện C, tỉnh Hậu Giang về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư: Khu quản lý vận hành và sửa chữa của Nhà máy N (đợt 4), phần liên quan đến ông Trần Minh T (hồ sơ số 066) (gọi tắt là Quyết định số: 5221/QĐ-UBND).

Xét yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang theo quy định tại Điều 30, Điều 32 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

[2]. Về thời hiệu khởi kiện: Quyết định hành chính bị kiện vẫn còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 116 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

[3]. Về thẩm quyền ban hành quyết định: Căn cứ vào khoản 2 Điều 66, điểm a khoản 3 Điều 69 của Luật đất đai năm 2013 thì Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 5221/QĐ-UBND là đúng thẩm quyền.

[4]. Về hình thức các quyết định: Căn cứ vào Điều 28 của Nghị định số 47/2014/NĐ-CP (gọi tắt là Nghị định 47) ngày 15/5/2014 của Chính phủ và Thông tư số 30 ngày 02/6/2014 của Bộ T2 thì Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang ban hành Quyết định số 5221/QĐ-UBND là đúng hình thức.

[5]. Về trình tự, thủ tục ban hành quyết định: Căn cứ vào Điều 67, Điều 68, Điều 69 của Luật đất đai năm 2013 thì UBND huyện C ban hành Quyết định số 5221/QĐ-UBND là đúng trình tự, thủ tục.

[6]. Về nội dung Quyết định:

Xét yêu cầu khởi kiện của ông Trần Minh T. Hội đồng xét xử xét thấy:

Năm 2016, Tổng Công ty L1 (công ty cổ phần L) gọi tắt là LILAMA thi công xây dựng công trình Nhà máy N1, tại ấp P, thị trấn M, huyện C, tỉnh Hậu Giang. Để phục vụ thi công công trình Công ty cổ phần L xin xây dựng khu nhà ở tạm cho cán bộ theo Biên bản họp ngày 01/7/2016 (BL 215 - 217), Tờ trình số 147 ngày 07/07/2016 (BL-219) của Ủy ban nhân dân huyện C, ngày 15/7/2016 Ủy ban nhân dân tỉnh H ban hành Công văn số 1103 cụ thể:

1. Thống nhất chủ trương cho Công ty cổ phần L được xây dựng Lán trại tạm phục vụ chỗ ở cho công nhân tại địa chỉ ấp P, thị trấn M, huyện C, tỉnh Hậu Giang thi công lắp đặt Nhà máy N1.

2 Yêu cầu Công ty cổ phần L chịu trách nhiệm thỏa thuận với các hộ dân để thực hiện giải phóng mặt bằng. Sau quá trình thi công công trình hoàn trả lại mặt bằng như thỏa thuận với các hộ dân ban đầu.

Căn cứ chủ trương của Ủy ban nhân dân tỉnh, ông T cho Công ty cổ phần L xây dựng 12 hạng mục công trình như biên bản kiểm kê ngày 11/3/2021 (BL-45) để phục vụ cho dự án Nhà máy N1, sau khi thi công thì công ty Cổ phần L. 1 giao toàn bộ các hạng mục công trình này cho LiLama 3 quản lý, sử dụng theo giấy đề nghị thanh toán (BL - 231) ngày 29/11/2018. Ngày 25/09/2020, Công ty L giao toàn bộ công trình lán trại này cho ông Trần Minh T để trừ vào khoản nợ theo hợp đồng thuê đất ngày 19/11/2018.

Căn cứ Nghị quyết số: 01/NQ-ĐHCD ngày 29/3/2016 của Tổng Công ty L1-CTCP theo giấy chứng nhận kinh doanh viết tắt là LiLama (BL 221 - 223), Quyết định số: 1036/QĐ-TTg ngày 10/7/2015 phê duyệt cổ phần hoá công ty mẹ thì các Công ty cổ phần L, Lilama 45.1 đều thuộc Công ty cổ phần L. Như vậy, Công văn số: 1103 của UBND tỉnh là cho chủ trương chung của các công ty cổ phần L tạm phục vụ chỗ ở cho công nhân thi công lắp đặt nhà máy N1. Từ chủ trương này và ý kiến của Sở Xây dựng tỉnh, căn cứ điểm c khoản 2 Điều 89 Luật Xây dựng năm 2014 các

công trình này được miễn giấy phép xây dựng, do vậy, khi thi công các công trình này trên phần đất nông nghiệp không bị lập biên bản hay xử phạt vi phạm hành chính. Công trình **Nhà máy N1** đã thi công xong và hoàn thành từ tháng 10/2022.

Căn cứ khoản 3 Điều 131 Luật Xây dựng năm 2014 quy định: “*Công trình xây dựng tạm phải được dỡ bỏ khi đưa công trình chính của dự án vào khai thác sử dụng, trừ trường hợp công trình xây dựng tạm phù hợp với quy hoạch xây dựng được duyệt*”, khoản 49 Điều 1 Luật số 62/2020/QH 14 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Xây dựng quy định “*Công trình xây dựng tạm phải được phá dỡ khi đưa công trình chính của dự án đầu tư xây dựng vào khai thác sử dụng hoặc khi hết thời gian tồn tại của công trình....*”. Như vậy, căn cứ các quy định này thì công trình của các **Công ty cổ phần L** tạm để phục vụ cho **Nhà máy N1** không được phép tồn tại khi thi công xong công trình, việc sang bán các khu lán trại tạm này giữa **Công ty cổ phần L** 3 với ông **T** là không hợp pháp, do vậy, **Ủy ban nhân dân huyện C** không hỗ trợ, bồi thường các công trình này là có căn cứ.

Hiện tại, theo **Ủy ban nhân dân huyện C** trình bày, công trình này ông **T** đã tự tháo dỡ bán vật liệu để bàn giao mặt bằng cho dự án **Nhà máy N**. Do vậy, xét thấy ông **T** có thiệt hại thì có thể khởi kiện vụ án dân sự khác.

Đối với **Công ty cổ phần L**, Tòa án đã gửi văn bản thông báo tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, công ty đã nhận nhưng không có ý kiến phản hồi. Riêng **Công ty cổ phần L** đã nhận thông báo của Tòa án, có nêu ý kiến tại văn bản số 39 ngày 05/9/2023 cho rằng năm 2017 **Công ty cổ phần L** có thuê đất của ông **T** để xây dựng lán trại tạm phục vụ chỗ ở cho công nhân để phục vụ thi công lắp đặt **Nhà máy N1** (công ty thực hiện theo văn bản số 1103 ngày 15/01/2016 của **Ủy ban nhân dân tỉnh H**) sau đó, chuyển nhượng lại công trình này cho **Công ty cổ phần L** vào năm 2018. Do vậy, trách nhiệm và nghĩa vụ trong các hợp đồng đến nay không liên quan gì, đồng thời có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, nếu có phát sinh tranh chấp thì giải quyết thành vụ kiện khác.

Đối với ý kiến của người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện cho rằng chủ trương của UBND tỉnh không cấp giấy phép xây dựng có thời hạn cho các Công ty cổ phần của **L** xây dựng các công trình tạm tại dự án **Sông H** là không đúng quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy các công trình thi công lắp đặt **Nhà máy N1** đã hoàn thành và đưa vào hoạt động cho toàn bộ dự án đối với các công ty cổ phần của LiLama theo Quyết định số 1036 ngày 10/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ, chứ không phải chỉ áp dụng cho **Công ty cổ phần L** và **Công ty cổ phần L**, hiện tại các công trình tạm của các công ty cổ phần của LiLama, của **công ty M** cũng đã tự tháo dỡ công trình tạm này, không ai yêu cầu bồi thường, hỗ trợ. Mặt khác, do các công trình này thực hiện theo chủ trương cho phép xây dựng tạm để phục vụ dự án phù hợp với thời điểm triển khai dự án, nên không cấp phép xây dựng tạm để các công trình này không bị lập biên bản vi phạm do xây dựng trên đất nông nghiệp. Do vậy, không có căn cứ buộc **Ủy ban nhân dân huyện C** phải hỗ trợ theo quy định tại Điều 14 Quyết định số 26/2018 ngày 28/12/2018 của **UBND tỉnh H** đối với ông **Trần Minh T**.

[7]. Từ những cơ sở trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của ông **Trần Minh T** là không có căn cứ để chấp nhận. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8]. Về án phí hành chính sơ thẩm, người khởi kiện phải chịu theo quy định.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các Điều 30, Điều 32, Điều 116, Điều 158, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 206, Điều 348 của Luật tổ tụng hành chính năm 2015;

Luật Đất đai năm 2013;

Điểm c khoản 2 Điều 89; khoản 3 Điều 131 Luật Xây dựng năm 2014;

Khoản 49 Điều 1 Luật số 62/2020QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc Hội, sửa đổi một số điều của Luật Xây dựng;

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Bác yêu cầu khởi kiện của ông **Trần Minh T** về việc yêu cầu hủy một phần Quyết định số: 5221/QĐ-UBND ngày 07/12/2021 của Ủy ban nhân dân huyện **C** về phê duyệt phương án, bồi thường, hỗ trợ tái định cư đối với 12 hạng mục công trình không được bồi thường, hỗ trợ của ông **Trần Minh T**.

Về án phí hành chính sơ thẩm: Người khởi kiện ông **Trần Minh T** phải chịu 300.000đồng, chuyển tiền tạm ứng án phí ông **T** đã nộp theo biên lai thu số 0000358 ngày 15/02/2023 do ông **Lê Khả Đ** nộp thay tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang thành án phí.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ngày 17/10/2023. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- Cục THADS tỉnh Hậu Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Thị Bích Hạnh

